

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2021.

V/v: “*Tranh chấp HN và GD giữa
chị T và anh Đ*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Tiến; bà Đặng Thị Thập.

Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Bích Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Quang, Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đàm Thị T, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Yên Vỹ, xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện trú tại: Thôn Hương Mạc, xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. (Nay là khu Hương Mạc, phường Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Sĩ Đ, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Thôn Yên Vỹ, xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đàm Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Sĩ Đ vào 26/10/2005. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ không chịu làm ăn, hay say sỉn và đánh đập vợ nên vợ chồng không thể chung sống được với nhau và đã sống ly thân được 3 năm nay. Nay chị xác định T cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Sĩ Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 04 con chung là Nguyễn Sỹ M, sinh ngày 04/12/2006; Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 28/8/2008; Nguyễn Thị Hà L, sinh ngày

07/12/2011 và Nguyễn Đàm Hồng Anh, sinh ngày 12/8/2019. Hiện nay, ba cháu lớn đang ở với bố còn cháu nhỏ nhất đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu nhỏ nhất, còn ba cháu lớn do anh Đ nuôi. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đối với anh Đ thì tùy vào yêu cầu cấp dưỡng của anh Đ.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn là anh Nguyễn Sĩ Đ để giải quyết vụ án nhưng anh Đ không hợp tác và vắng mặt, bởi vậy Tòa án không tiến hành hoà giải được.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án, phía bị đơn là anh Nguyễn Sĩ Đ trình bày: Anh thừa nhận về điều kiện kết hôn của anh với chị T như lời trình bày của chị T là đúng. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T có quan hệ ngoại T. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay anh xác định T cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ nên anh đồng ý ly hôn với chị T và cũng không có ý kiến gì.

Về con chung: Vợ chồng anh có 04 con chung như chị T trình bày là đúng. Hiện ba cháu lớn đang ở với anh, còn cháu nhỏ ở với mẹ. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi ba cháu lớn, còn cháu út ở với mẹ. Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhưng do công việc bận nên anh không có mặt. Anh cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án. Anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Ngoài ra anh không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án, cháu Nguyễn Sỹ M, Nguyễn Thị Như N và Nguyễn Thị Hà L có nguyện vọng được ở với anh Đ nếu bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thẩm tra viên, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ.

Về con chung: Đề nghị giao cho chị Đàm Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đàm Hồng Anh, sinh ngày 12/8/2019. Anh Nguyễn Sĩ Đ chăm sóc, nuôi dưỡng 03 cháu: Nguyễn Sỹ M, sinh ngày 04/12/2006; Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 28/8/2008; Nguyễn Thị Hà L, sinh ngày 07/12/2011 theo yêu cầu của chị T và anh Đ. Chị T và anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh Đ không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đàm Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Sĩ Đ, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình. Anh Đ có nơi cư trú tại thôn Yên Vỹ, xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Đàm Thị T kết hôn với anh Nguyễn Sĩ Đ và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh ngày 26/10/2005. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu, tự nguyện. Như vậy, việc kết hôn của chị T và anh Đ đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo qui định của pháp luật nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên uống rượu say và đánh đập chị T nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc và đến nay cả hai đều xác định T cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể chung sống với nhau được nữa. Nay chị T xin ly hôn và anh Đ cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Đ là phù hợp.

Về con chung: Chị Đàm Thị T và anh Nguyễn Sĩ Đ có 04 con chung là Nguyễn Sỹ M, sinh ngày 04/12/2006; Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 28/8/2008; Nguyễn Thị Hà L, sinh ngày 07/12/2011 và Nguyễn Đàm Hồng Anh, sinh ngày 12/8/2019. Hiện nay, ba cháu lớn đang ở với anh Đ còn cháu nhỏ nhất đang ở với chị T. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi cháu út, còn anh Đ có nguyện vọng được nuôi 03 cháu lớn, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đối với nguyện vọng này của chị T, anh Đ và phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị Đàm Thị T và anh Nguyễn Sĩ Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đàm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 262, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Sĩ Đ.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Sỹ M, sinh ngày 04/12/2006; Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 28/8/2008 và Nguyễn Thị Hà L, sinh ngày 07/12/2011 cho anh Nguyễn Sĩ Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Đàm Hồng Anh, sinh ngày 12/8/2019 cho chị Đàm Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh Đ không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đàm Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (Xác nhận chị Đàm Thị T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0001366 ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Tiến

Đặng Thị Thập

Nguyễn Anh Văn

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- UBND phường Hương Mạc;
- UBND xã Hoà Tiến;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Văn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Tiến

Đặng Thị Thập

Nguyễn Anh Văn

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- UBND phường Trà Cổ;
- UBND xã Hoà Tiến;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Văn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Huy Bân

Lê Thị Thơm

Nguyễn Anh Văn

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- UBND phường Trà Cổ;
- UBND xã Hoà Tiến;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Văn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Huy Bân

Lê Thị Thơm

Nguyễn Anh Văn

